

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-8-2022.

“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn giữa chị Văng Thị  
Thùy T và anh Nguyễn Quang Tr”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Triều.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2022, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Văng Thị Thùy T, sinh năm 2003; Địa chỉ: Số 65 ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 251 ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh Tr vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Văng Thị Thùy T trình bày:

Tháng 3/2021, chị T và anh Tr sống chung như vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức Lễ cưới, nhưng đến nay vợ chồng chị T và anh Tr không có đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung như vợ chồng cho đến khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống, chị T có địa chỉ thường trú tại xã B, và anh Tr có địa chỉ thường trú tại xã Đ, cả hai xã cùng thuộc huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống cùng nhà cha mẹ ruột anh Tr tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, vợ chồng chung sống một thời gian thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã cố sức hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Tr không quan tâm chăm sóc vợ con, sau khi chị T sinh con là bỏ mặc không lo lắng; anh Tr không chung thủy có người phụ nữ khác, chị T không có chứng cứ gì chứng minh chỉ gặp anh Tr chụp hình chung với người phụ nữ khác đăng trên mạng xã hội. Hai bên gia đình cha mẹ không hòa thuận nhau dẫn đến cự cãi nhau. Đến tháng 10/2021, chị T bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, chị T xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung do mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Tr.

Quá trình sống chung, chị T và anh Tr có 01 con chung tên Văng Hoàng Bảo S, sinh ngày 16/9/2021. Từ khi vợ chồng chị T và anh Tr không còn chung sống với nhau thì cháu S sống cùng và do mẹ là chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Văng Thị Thùy T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quang Tr; Về con chung, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tr có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu S cùng chị T; Về tài sản chung, nợ chung, chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại Đơn xin vắng mặt, đề ngày 04/7/2022 bị đơn là anh Nguyễn Quang Tr trình bày: Anh Tr thống nhất với lời trình bày của chị T về việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn và quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Văng Hoàng Bảo S, sinh ngày 16/9/2021. Anh Tr không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, chỉ do hai bên gia đình không hợp nhau nên chị T rời khỏi nhà anh Tr về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 10/2021 đến nay. Nay anh Tr cho rằng mình còn thương vợ nên không muốn ly hôn, nhưng do phải đi làm xa nên anh Tr xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp và phiên tòa xét xử vụ án. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Tr đồng ý giao con chung là cháu S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr không đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu S cùng chị T, về tài sản chung, nợ chung anh Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Việc chị Văng Thị Thùy T xin ly hôn anh Nguyễn Quang Tr là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh Tr có địa chỉ thường trú tại số 251 ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị T và anh Tr là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt để đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Tr. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Tr là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Văng Thị Thùy T và anh Nguyễn Quang Tr sống chung như vợ chồng từ tháng 3/2021, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, sự việc này do chị T trình bày, anh Tr thừa nhận, phù hợp với nội dung Công văn số 521/UBND, ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã B và Công văn số 61/UBND-HT, ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ là tài liệu chứng cứ do chị T giao nộp để chứng minh cho lời trình bày của mình về việc cho đến nay chị T và anh Tr vẫn không có đăng ký kết hôn tại địa chỉ nơi cư trú của chị T hoặc anh Tr theo quy định về thẩm quyền đăng ký kết hôn tại Khoản 1 Điều 17 Luật hộ tịch là sự thật.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về đăng ký kết hôn:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

...”

Xét thấy, việc kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của chị T và anh Tr đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn nên việc kết hôn của anh chị là không có giá trị pháp lý và không được pháp luật bảo vệ.

Do chị T có yêu cầu ly hôn và dù anh Tr không đồng ý, nhưng vẫn áp dụng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình để không được công nhận quan hệ hôn nhân của chị T và anh Tr là phù hợp với nội dung hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Tr thống nhất trình bày quá trình sống chung có 01 con chung tên Văng Hoàng Bảo S, sinh ngày 16/9/2021. Hiện cháu S đang sống cùng và do mẹ là chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ để xác định cháu S là con chung của chị T, anh Tr, hiện cháu S đang sống cùng và do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đến nay, cháu S vẫn phát triển bình thường cho thấy chị T đã đảm bảo được điều kiện để được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện cháu S còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và anh Tr cũng đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nếu vợ chồng thật sự ly hôn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con chung, cụ thể giao con chung là cháu S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và nguyện vọng của các bên đương sự.

Do chị T không yêu cầu, anh Tr cũng không tự nguyện đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu S cùng chị T, nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị T và anh Tr.

Sau khi mối quan hệ hôn nhân không được công nhận thì quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 81; Anh Tr có nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con được quy định tại Điều 82; Chị T là người trực tiếp nuôi con sẽ có các nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con được quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Văng Thị Thùy T và anh Nguyễn Quang Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Văng Thị Thùy T và anh Nguyễn Quang Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Văng Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 17 Luật hộ tịch; Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về hôn nhân:**

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Văng Thị Thùy T và anh Nguyễn Quang Tr.

##### **2. Về nuôi con chung:**

2.1. Giao con chung tên Văng Hoàng Bảo S, sinh ngày 16/9/2021 cho chị Văng Thị Thùy T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện cháu S đang sống chung và do chị T trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Quang Tr không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu S cùng chị T.

2.2. Chị Văng Thị Thùy T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Quang Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh Nguyễn Quang Tr không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Văng Thị Thùy T.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Văng Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008962 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị T đã nộp đủ án phí).

Chị Văng Thị Thùy T và anh Nguyễn Quang Tr có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh Tr.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã Đ, xã B, L, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hà Thị Mỹ Xuân**